

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 19/2022/TLST-HNGĐ, ngày 13 tháng 7 năm 2022, giữa:

- Nguyên đơn: Anh Lê T. Sinh năm 1982.
- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị L. Sinh năm 1992.

Cùng địa chỉ: Thôn 1, xã I, huyện I, tỉnh K

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 04 tháng 8 năm 2022.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 04 tháng 8 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Lê T và chị Nguyễn Thị L.
 2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:
 - **Về quan hệ hôn nhân:** Anh Lê T và chị Nguyễn Thị L thỏa thuận - Thuận tình ly hôn.
 - **Về con chung:** Giao con chung Lê Bảo N cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu tròn 18 (Mười tám) tuổi.
- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Lê T phải cấp dưỡng nuôi con chung Lê Bảo N mỗi tháng 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) vào ngày 10 hàng tháng. Thời điểm cấp dưỡng: Từ tháng 9 năm 2022 cho đến khi cháu tròn 18 tuổi. Chị Nguyễn Thị L là mẹ đẻ được nhận khoản tiền cấp dưỡng nuôi con chung.
- Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật và chị Nguyễn Thị L có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền cấp dưỡng nuôi con chung mà anh Lê T chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi*

hành án.

Anh Lê T có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở. Không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

- **Về tài sản chung và nợ chung:** Không yêu cầu Tòa án giải quyết

- **Về án phí:** Căn cứ khoản 3 Điều 144; khoản 3, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24; khoản 7 Điều 26, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016, của Ủy ban thường vụ Quốc. Số tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000 đồng. Số tiền án phí cấp dưỡng là 150.000 đồng. Tổng số tiền án phí là 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*). Anh Lê T nhận chịu nhưng được trừ vào số tiền anh T nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số: AA/2021/0004226 ngày 12/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ia H'Drai, tỉnh Kon Tum.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- TAND tỉnh Kon Tum;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Ia H'Drai;
- Chi cục THADS huyện Ia H'Drai;
- UBND xã Ia Toi, huyện Ia H'Drai, Kon Tum;
- UBND phường Đồng Đa, TP.Pleiku, Gia Lai;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Trần Phú Lợi